

Số: /QĐ-BQLKKT

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng,
kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh
Quảng Ninh**

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và Quy chuẩn, Quy phạm và Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh về việc ủy quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng; phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021, Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân

khu tỷ lệ 1/2000 KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Sông Khoai thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4380112185 cấp lần đầu ngày 29/3/2018, điều chỉnh lần thứ năm ngày 06/02/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh chứng nhận Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5701929293 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp;

Xét Tờ trình số 226/VB-ACHL/2023 ngày 15/9/2023 của Công ty Cổ phần Đô thị Amata Hạ Long kèm Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thiện theo ý kiến tham gia của các sở ban, ngành, cộng đồng dân cư, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh; được UBND thị xã Quảng Yên thỏa thuận và Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng – Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 80/BCTĐ-QHXD ngày 10/10/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (kèm theo Bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, thuyết minh, quy định quản lý quy hoạch) với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích:

1.1. Vị trí, ranh giới: Thuộc xã Sông Khoai, phường Đông Mai, phường Cộng Hoà, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Có phạm vi ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Sông Khoai, Phường Đông Mai, Phường Cộng Hoà;
- Phía Nam giáp với xã Sông Khoai, Phường Cộng Hoà, Phường Minh Thành;
- Phía Đông giáp với Phường Minh Thành;
- Phía Tây giáp với xã Sông Khoai.

(Tọa độ ranh giới được xác định bởi các điểm M1-M2-M3-... theo Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất)

1.2. Diện tích: 714ha.

2. Tính chất: Là khu công nghiệp tập trung thu hút đầu tư các ngành nghề có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; đáp ứng linh hoạt nhu cầu đa dạng về quy mô sử dụng đất của các nhà đầu tư; với hệ thống hạ tầng kỹ thuật

hiện đại, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

3. Nội dung quy hoạch:

3.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp		475,49	70	66,60
2	Đất cây xanh	CX	71,53		10,02
3	Đất mặt nước: Hồ chứa nước, kênh nước	HC	60,33		8,45
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	23,12		3,24
	Trạm xử lý nước thải	HT-01	2,00		
	Trạm cấp nước sạch	HT-02	2,00		
	Trạm cấp nước sạch	HT-03	2,00		
	Trạm xử lý nước thải	HT-04	1,92		
	Trạm cấp nước sạch	HT-05	5,00		
	Trạm biến áp 110kV	HT-06	1,71		
	Trạm xử lý nước thải	HT-07	2,00		
	Trạm biến áp 110kV	HT-08	1,00		
	Đê và hành lang đê		5,49		
5	Đất dịch vụ	CC	8,52		1,19
		CC-01	1,94	70	
		CC-02	3,25	70	
		CC-03	3,33	70	
6	Đất giao thông		75,01		10,50
Tổng			714,00		100,00

3.2. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

* Các tuyến đường trục chính KCN:

- Trục Đông Tây: Bố trí dải cây xanh cách ly kết hợp kênh thoát nước mưa giữa làn đường chính và đường gom, dải cây xanh giữa đường gom và khu vực nhà máy, hình thành trục đường xanh cho KCN và khu vực.

- Trục Bắc Nam: Bố trí dải cây xanh cách ly tạo cảnh quan hai bên tuyến đường.

- Các trục đường nội bộ KCN được bố trí vỉa hè rộng, xây dựng và phủ xanh vỉa hè vừa tạo không gian đi bộ, nghỉ ngơi thoáng mát cho người lao động

trong KCN, vừa tạo không gian bố trí đường ống hạ tầng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

* Kiến trúc công trình có hình thức phù hợp với điều kiện khí hậu, hài hòa với cảnh quan môi trường. Các công trình chính sử dụng kết cấu và vật liệu có tính chất kiên cố, bền vững, phù hợp với khí hậu và tránh các ảnh hưởng do mưa, bão. Khuyến khích ứng dụng công nghệ và vật liệu mới (sinh thái, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường...). Hình khối công trình của khu vực thiết kế thể hiện mối quan hệ giữa các công trình, đa dạng trong sự hài hòa về kiến trúc tổng thể cũng như hình dáng.

* Các thông số quy hoạch kiến trúc trong các khu đất: Theo định hướng Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

* Đối với các công trình xây dựng thuộc lô đất hạ tầng kỹ thuật (trạm cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải) sẽ được xác định cụ thể theo đồ án quy hoạch riêng, phù hợp với quy hoạch phân khu và các quy định hiện hành.

3.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch san nền, chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ san nền trung bình trong các lô đất khoảng +2,1m đối với khu vực xây đê và khoảng +3,2m đến +3,3m đối với khu vực ngoài đê.

- Cao độ đê xây dựng mới khoảng +3,2m, đối với phần đê hoàn trả hiện trạng thuộc Giai đoạn 5 lựa chọn giải pháp phù hợp khớp nối.

- Lòng hồ được nạo vét đến cao độ -0,7m.

- Bố trí 04 trạm bơm và hồ điều hòa để đảm bảo trữ và thoát nước cho KCN.

b) Quy hoạch giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh 338 kết nối từ Quốc lộ 18 (địa phận Uông Bí) đến trung tâm thị xã Quảng Yên tiếp giáp với ranh giới Giai đoạn 1, 2, 5 của Dự án. Hướng tuyến và mặt cắt của đường tỉnh 338 được cập nhật theo Quy hoạch chung thị xã Quảng Yên đã được phê duyệt. Mặt cắt bao gồm làn đường chính, làn đường gom ở hai bên và tuyến đường sắt trên cao dự kiến.

- Đường tỉnh 331 kết nối từ Quốc lộ 18 đến sông Chanh và Đường tỉnh 338 đi cắt qua KCN.

* Giao thông đối nội:

- Các đường nội bộ KCN được bố trí theo dạng vòng khép kín, đảm bảo hướng tránh khi xảy ra sự cố. Cốt cao độ đường giao thông bám sát cao độ san nền và đảm bảo đầu nối, có giải pháp giải quyết xung đột giao thông với đường ngoài KCN.

- Mặt cắt đường bố trí bề rộng từ 7m đến 103m đảm bảo xe đỗ và lưu thông. Hệ đường được bố trí rộng để bố trí các tuyến đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật và dự trữ không gian để bố trí các tuyến đường ống trong tương lai.

c) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa thu gom của khu vực dự án là hệ thống thoát nước riêng được thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để theo nguyên tắc tự chảy.

- Giải pháp thoát nước tổng thể cho KCN: Nước mưa được thu gom từ đường cống nhánh đổ ra hệ thống kênh dẫn nước trên các trục chính và tập trung về hồ về vị trí các Hồ điều hòa gần nhất nằm trong KCN. Tại đây nước mưa sẽ được tiêu thoát theo tính toán điều tiết của Trạm bơm và đổ ra sông Cồn Khoai.

- + Đối với khu vực có kênh dẫn nước trên tuyến đường giao thông: Sử dụng giải pháp thoát nước mặt ngang, nước mưa trên tuyến đường trục giao thông từ vỉa về thoát ngang xuống mặt đường, từ mặt đường sẽ được thoát tự chảy theo độ dốc mặt ra kênh thoát nước trục chính qua các máng thoát nước.

- + Đối với khu vực không có kênh dẫn nước trên tuyến đường giao thông và có dải phân cách: Nước mưa từ vỉa hè thoát ngang xuống mặt đường, từ mặt đường sẽ được thoát tự chảy theo độ dốc mặt qua máng thu thoát vào rãnh dọc đường đặt trong dải phân cách. Sau đó thoát ra kênh dẫn nước.

- + Đối với khu vực không có kênh dẫn nước trên tuyến đường giao thông và không có dải phân cách: Nước mưa từ vỉa hè thoát ngang xuống mặt đường, nước mưa phần mặt đường sẽ được thu vào miệng thu của ga thu thăm kết hợp đặt trên hè sau đó thoát về tuyến cống dọc trên trục đường giao thông sau đó được thoát ra hệ thống kênh dẫn nước.

- + Đối với khu vực phía Bắc của KCN: Bố trí kênh dẫn nước từ khu vực đồi núi và dân cư phía Bắc xuống sông Khoai. Điều chỉnh một phần dòng chảy của sông Khoai để đảm bảo năng lực thoát nước, tránh ngập úng cho cả khu vực xung quanh khu quy hoạch. Trong tương lai khi cải tạo hoặc xây mới khu vực dân cư phía Bắc cần đầu nối hệ thống thoát nước vào các kênh đã được bố trí đi qua KCN để tránh ngập úng cục bộ.

- Sử dụng cống tròn có khẩu độ D600÷D1500 kết hợp hệ thống công hộp để thu gom nước mưa. Cống được thiết kế với độ dốc tối thiểu $i \geq 1/D$ (D đường kính cống) để đảm bảo thoát nước tự chảy.

d) Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước của KCN khoảng: 48.000 m³/ngđ.

- Nguồn nước sạch: Lấy từ nguồn nước thô của hồ Yên Lập được dẫn về Nhà máy nước cấp trong khu vực dự án. Nguồn nước sau khi xử lý sẽ được cấp đến hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước để dẫn nước tới các điểm tiêu thụ của dự án.

- Công trình đầu mối cấp nước: Xây dựng 02 nhà máy cấp nước trong khu vực dự án để cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho các điểm tiêu thụ nước của dự án.

- Mạng lưới cấp nước trong KCN được thiết kế dạng mạch vòng kết hợp với nhánh cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Mạng lưới đường ống phân phối có đường kính từ DN110÷DN500mm.

- Phòng cháy chữa cháy: Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa

cháy cho KCN theo quy định. Mạng lưới cấp nước chữa cháy là mạng chữa cháy áp lực thấp và được bố trí kết hợp cùng với mạng lưới cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất. Trên các tuyến ống chính phân phối có bố trí trụ cứu hỏa, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không lớn hơn 150m. Các cơ sở thuộc KCN cần được trang bị các phương tiện PCCC tại chỗ, bình chữa cháy, các phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Khu vực tập kết lực lượng và trang thiết bị phòng cháy chữa cháy được bố trí trong lô đất đặt nhà máy cấp nước của KCN. Đây là vị trí rất thuận lợi cho công tác chữa cháy của dự án. Quy mô khu vực tập kết lực lượng và trang thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo đủ cho tối thiểu 03 xe chữa cháy và các thiết bị, nhân lực kèm theo.

e) Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải phải thu gom, cần xử lý dự kiến của KCN 36.000 m³/ngđ.

- Mạng lưới thoát nước thải: Xây dựng mạng lưới thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; các tuyến công dẫn nước thải chủ yếu sử dụng cống tròn có kích thước D300 ÷ D600 tự chảy, được đặt dưới vỉa hè, những vị trí độ sâu chôn cống quá lớn bố trí các trạm bơm nâng cốt; trạm bơm nước thải sử dụng trạm bơm chìm, hoạt động luân phiên.

- Xử lý nước thải: Chất lượng nước sau khi xử lý đảm bảo cột B – QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được xả ra sông Khoai tại các vị trí xả thải. Dự kiến bố trí 2 trạm xử nước thải trong khu vực dự án. Trạm xử lý nước thải số 1 công suất 24.000 m³/ngđ; trạm xử lý nước thải số 2 công suất 12.000 m³/ngđ.

f) Quy hoạch năng lượng và chiếu sáng:

- Nguồn cung cấp điện: Tổng nhu cầu công suất điện sử dụng dự kiến của KCN đến năm 2025 là khoảng 321,5 MVA. Nguồn điện cấp các trạm 110/22kV được lấy từ trạm 220kV Yên Hưng. Bố trí xây dựng 02 trạm biến áp 110/22kV dùng cho KCN, trong đó trạm 110kV Amata 1 công suất 3x63 MVA, trạm 110kV Amata 2 công suất 4x63 MVA.

- Lưới điện 110kV: Tại các vị trí cột gần khu vực dự án, xây dựng mới tuyến 110kV đấu nối cấp điện cho các trạm biến thế 110kV của dự án.

- Lưới điện 22kV:

- + Từ hai trạm biến thế 110kV dự kiến, sẽ có các xuất tuyến 22kV cấp điện cho các trạm cắt của từng mạch và đến từng máy biến áp từng lô công nghiệp.

- + Các phát tuyến 22kV của được thiết kế theo dạng mạch vòng.

- + Các xuất tuyến 22kV được bố trí đi nổi và kết hợp với đi ngầm.

- + Tại các vị trí đoạn tuyến 22kV giao chéo với đường điện cao thế 220kV, 110kV và giao giữa các mạch kép với nhau, để đảm bảo an toàn các tuyến 22kV được hạ ngầm.

- Trạm biến áp hạ thế: các trạm hạ thế cấp điện chuyên dùng cho các nhà

máy, công trình dịch vụ công cộng, khu hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định cụ thể theo từng dự án riêng.

- Chiếu sáng chung: Bố trí hệ thống chiếu sáng độc lập trên vỉa hè các tuyến đường KCN; đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn led có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Từ vị trí đầu nối với mạng viễn thông khu vực truyền dẫn tín hiệu cáp quang về Tổng đài vệ tinh Sông Khoai dung lượng 10.000 lines đặt tại vị trí trung tâm dự án để đảm bảo khả năng phục vụ của tổng đài dẫn đến các thuê bao là gần nhất.

- Mạng cáp viễn thông được bố trí đi ngầm trong hệ thống cống, bể cáp của mạng, đi trên hè đường quy hoạch trong khu vực.

- Mạng cống: Được chạy trong các tuyến cống kỹ thuật trên vỉa hè theo nguyên tắc trục chính. Mạng bể: Bể ngầm chủ yếu là loại đi trên vỉa hè, tùy theo các vị trí khác nhau như nhập đài, rẽ nhánh, chạy thẳng mà sử dụng các bể có dung lượng khác nhau.

- Viễn thông vô tuyến: Quy hoạch hệ thống viễn thông vô tuyến (không dây) với các trạm viễn thông di động có bán kính phủ sóng khoảng $0,5 \div 2,0$ km (tùy theo công nghệ về mức độ phủ sóng của trạm quy hoạch số lượng trạm để đảm bảo nhu cầu); các trạm viễn thông di động được quy hoạch phân bố theo khả năng phục vụ, vị trí các trạm được đặt trong khuôn viên các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc đặt cạnh trạm biến áp chiếu sáng (trong khu vực đất cây xanh) để thuận lợi cho việc cung cấp nguồn điện hoạt động của trạm.

h) Quy hoạch thu gom và xử lý CTR:

- Rác thải hàng ngày được thu gom và vận chuyển đến điểm xử lý tập trung của khu vực.

- Đối với rác thải sinh hoạt: các nhà máy trong KCN sẽ hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường bố trí xe thu gom rác hàng ngày để vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung.

- Đối với các loại rác thải nguy hại: các nhà máy trong KCN phải hợp đồng với các đơn vị chuyên xử lý rác thải nguy hại để thu gom và xử lý.

3.4. Nội dung khác:

- Các chỉ tiêu quy hoạch, bố trí quy hoạch đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Hình dáng của các công trình xây dựng sẽ được thể hiện cụ thể ở giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình và phải được nghiên cứu tổng thể để tạo thành tổ hợp hoàn chỉnh, thống nhất về hình thức kiến trúc. Khi thiết kế công trình cụ thể cần đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất, các yêu cầu đã không chế trên bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được ban hành kèm theo.

- Cây xanh cần được làm rõ cụ thể về loại cây, bố trí cây ở bước tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định cây xanh trong KCN.

- Các hạ tầng kỹ thuật được cụ thể hóa tại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo đầu nối với hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào KCN phù hợp với hiện trạng, Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 KCN Sông Khoai và các quy hoạch có liên quan.

- Các công trình tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (trạm cấp nước, cấp điện, trạm xử lý nước thải), cổng KCN sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án quy hoạch riêng.

- Phân kỳ giai đoạn quy hoạch thực hiện theo Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên và các sở, ngành: Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quy hoạch chi tiết được duyệt theo Quy chế phối hợp đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 và các quy định hiện hành.

2. Công ty Cổ phần Đô thị Amata Hạ Long: Phối hợp với UBND thị xã Quảng Yên tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt, cắm mốc quy hoạch theo quy định; triển khai các bước tiếp theo, đầu tư xây dựng Dự án, công trình đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Amata Hạ Long và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: XD, TNMT, NN&PTNT, GTVT (phối hợp);
- UBND thị xã Quảng Yên (ph/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Ban;
- Như điều 3 (T/hiện);
- Lưu: VT, QHXD (5b).

TRƯỞNG BAN

Hoàng Trung Kiên